

Bản án số: 1822/2025/DS-ST

Ngày: 31/12/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thạch.

Bà Lê Thị Ngọc Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 668/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4550/2025/QĐXXST-DS ngày 12/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5198/2025/QĐST-DS ngày 08/12/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn x.

Trụ sở: s Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc Minh - có mặt.

(Văn bản ủy quyền số 1900/2025/UQ-TGD ngày 02/4/2025).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim ưg, sinh năm: 1990 - vắng mặt.

Địa chỉ: t, khu phố 55, phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn n trình bày:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/02/2020 (gọi tắt là hợp đồng), thẻ hiện bị đơn được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng với hạn mức là: 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 27.286.280 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 16.162.509 đồng, số tiền còn lại không thanh toán đủ nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản yêu cầu. Ngày 23/10/2021, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển số tiền còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/12/2025, số tiền bị đơn còn nợ theo hợp đồng là 65.448.651 đồng, trong đó nợ gốc là 21.887.108 đồng và lãi quá hạn là 43.561.543 đồng.

Ngày 12/02/2020, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 200.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202024913548 (gọi tắt là hợp đồng). Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 10/3/2021 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 31/12/2025, số tiền bị đơn còn nợ theo hợp đồng là 181.137.773 đồng, trong đó nợ gốc là 99.980.000 đồng và lãi là 81.157.773 đồng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán 01 lần, tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/12/2025 đối với các hợp đồng trên là: 246.586.424 đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là: 121.867.108 đồng, lãi là: 124.719.316 đồng. Bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày 01/01/2026 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Căn cứ theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản số 976/TAQ12 ngày 15/10/2025 thể hiện bị đơn đang thực tế cư trú tại phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, việc ủy quyền là hợp lệ nên được chấp nhận.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về chứng cứ:

Tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”.

Tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Căn cứ theo các hợp đồng tín dụng thể hiện bị đơn đã được nguyên đơn cho vay tổng số tiền là 220.000.000 đồng.

Nguyên đơn là pháp nhân được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng theo giấy phép đăng ký kinh doanh. Bị đơn giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, hợp đồng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm việc thanh toán, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ nhưng không được thực hiện nên khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền nợ gốc và lãi còn lại là có căn cứ.

[4.2] Về số tiền nợ gốc của hợp đồng: Sau khi được giải ngân số tiền 220.000.000 đồng, bị đơn thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Điều này phù hợp với bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại là 121.867.108 đồng sang nợ quá hạn.

Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu trả nợ gốc trên của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về số tiền lãi: Lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên là từ 0,17% đến 2,6%/tháng và lãi suất nợ quá hạn tính bằng 150% của lãi suất thỏa thuận. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 124.719.316 đồng, nên yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán các khoản tiền lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

1.1. Buộc bà Trần Thị Kim Phụng phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn thương Tín, số tiền gốc và lãi còn nợ, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng

ngày 10/02/2020 và Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202024913548 ngày 12/02/2020, tổng cộng là: 246.586.424 (hai trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi tư) đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là: 121.867.108 (một trăm hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm lẻ tám) đồng, lãi quá hạn là: 124.719.316 (một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn ba trăm mười sáu) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là: 12.329.321 (mười hai triệu ba trăm hai mươi chín nghìn ba trăm hai mươi một) đồng, bị đơn chịu.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là: 5.501.243 (năm triệu năm trăm lẻ một nghìn hai trăm bốn mươi ba) đồng, theo biên lai thu tiền án phí lệ phí Tòa án số 0025155 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7, Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Ký